

Bản án số: 916/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Thủy

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án Gò Vấp

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2022/QĐXX - ST ngày 16/5/2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2022/QĐST – HNGĐ ngày 07/6/2022), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1987

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Tây Sơn, Bình Định

Cùng tạm trú: quận Gò Vấp, TPHCM

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh H và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Văn Đ chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống có hai con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 13/5/2008 và Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 05/10/2009. Cuộc sống vợ chồng nhiều năm đầu rất hạnh phúc, ông Đ hiền lành, chịu khó làm ăn. Những năm gần đây ông Đ ra ngoài lao động có quen biết và sống chung với người phụ nữ khác. Ông Đ vắng nhà thường xuyên hơn, không còn dành thời gian quan tâm đến gia đình, vợ con. Nhiều lần bà tha thứ và bỏ qua để gia đình luôn ở bên chăm sóc lẫn nhau nhưng hôn nhân

của bà không cải thiện được. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Hòa yêu cầu ly hôn ông Đ để ổn định cuộc sống của mình. Bà H đề nghị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Cả hai chung sống không có tài sản chung.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đ nhưng ông Đ vẫn tiếp tục vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu như nêu trên. Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn có đăng ký tạm trú và sinh sống tại địa chỉ số --- quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên nguyên đơn gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/10/2007. Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

## 1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án là đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung quy định tại khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### [2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

2.1 Về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên đơn khai bị đơn thường xuyên vắng nhà, không còn quan tâm đến gia đình, vợ con; Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình.

Về phía bị đơn, bị đơn luôn vắng mặt dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại địa chỉ mà bị đơn đăng ký tạm trú nên Tòa án không tiến hành được phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Việc nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân gia đình không còn nữa. Việc các đương sự mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai thể hiện đời sống vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, bỏ mặc hôn nhân và gia đình của mình. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 13/5/2008 và Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 05/10/2009. Nguyên đơn đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi trưởng thành. Điều này phù hợp nguyện vọng của hai trẻ và vì quyền lợi của trẻ em nên việc giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ. Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số 01, do Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/10/2007 không còn hiệu lực.

- Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Minh H quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 13/5/2008 và Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 05/10/2009 cho đến khi trưởng thành.

Ông Nguyễn Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Minh H không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con. Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Minh H chịu, nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2021/0048011 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp. Bà Nguyễn Thị Minh H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- VKSNDQG;
- CCTHADS QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Lê Tứ Nhị**